

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán chi NSNN năm 2026
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc giao dự toán chi NSNN năm 2026, Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Học viện Hành chính và Quản trị công;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi NSNN 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh theo phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. **2**

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Tài chính (Vụ I),
- Công TTĐT Học viện (để đăng tin),
- Lưu: VT, Vụ KH - TC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thắng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số **8737**-QĐ/HVCTQG ngày **30** tháng **12** năm 2025
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết các đơn vị													Ghi chú
				Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Hội đồng LLTW	Học viện BC-TT	Học viện HC& QTC	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành	Văn phòng Đề án 587	Văn phòng Đề án 979	Văn phòng Đề án 621	
I	DỰ TOÁN CHI NSNN	2.369.458	2.369.458	650.330	155.237	126.940	116.503	69.332	70.111	134.502	274.582	12.227	705.615	15.000	10.699	28.380	
1	Chi đầu tư phát triển	603.853	603.853				-	-		-	50.000		553.853			-	
-	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		541.453										541.453				
-	Ngành Giáo dục – Đào tạo		62.400								50.000		12.400				
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	1.260.500	1.260.500	426.053	149.617	124.100	113.598	68.002	4.181	123.036	210.045	11.627	1.762	15.000	10.699	2.780	
2.1	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070-083)		911.529	416.344	149.117	123.600	113.098	67.502		-		11.627	1.762	15.000	10.699	2.780	
	Trong đó: Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên		25.409	10.877	3.914	3.388	3.355	1.984				596	150	780	298	67	
*	Chi thường xuyên giao tự chủ		-	-	-	-	-	-				-					
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ		911.529	416.344	149.117	123.600	113.098	67.502		-		11.627	1.762	15.000	10.699	2.780	
	Trong đã bao gồm		-														
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		134.745	40.000	25.000	25.000	25.000	15.000				4.745	-				
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác		81.464	36.819	4.122	3.535	3.273	3.147				327	1.762	15.000	10.699	2.780	
2.2	Chi đào tạo đại học (Loại 070-081)		331.981	-	-	-	-	-		122.536	209.445	-	-	-	-	-	
	Trong đó: Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên		11.125							3.720	7.405						
*	Chi thường xuyên giao tự chủ		-							-							
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ		331.981							122.536	209.445						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết các đơn vị													Ghi chú
				Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Hội đồng LLTW	Học viện BC-TT	Học viện HC& QTC	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành	Văn phòng Đề án 587	Văn phòng Đề án 979	Văn phòng Đề án 621	
	Trong đó đã bao gồm:		-														
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		87.226							27.000	60.226						
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác		40.750							6.301	34.449						
2.3	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (Loại 070-085)	16.990	16.990	9.709	500	500	500	500	4.181	500	600	-	-				
*	Chi thường xuyên giao tự chủ		-														
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ		16.990	9.709	500	500	500	500	4.181	500	600						
3	Chi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Loại 340-351)	63.130	63.130	-	-	-	-	-	63.130	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên		1.533						1.533								
*	Chi thường xuyên giao tự chủ		36.116						36.116								
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ		27.014						27.014								
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		750						750								
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác		26.264						26.264								
4	Chi sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Loại 100-102)	209.675	209.675	194.040	2.140	2.140	2.905	1.330	2.800	2.380	1.940	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên		3.500	3.500	-	-	-	-	-	-	-						
4.1	Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)		176.675	161.040	2.140	2.140	2.905	1.330	2.800	2.380	1.940						
4.2	Nghiên cứu ứng dụng (Loại 100-102)		13.000	13.000													
4.3	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (Loại 100-106)		10.000	10.000									-				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết các đơn vị													Ghi chú
				Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Hội đồng LLTW	Học viện BC-TT	Học viện HC& QTC	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành	Văn phòng Đề án 587	Văn phòng Đề án 979	Văn phòng Đề án 621	
4.4	Khoa học và công nghệ khác (Loại 100-108)			10.000													
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-278)	2.700	2.700	2.700													
	Trong đó: Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên		-	-													
5.1	Chi thường xuyên giao tự chủ		-	-													
5.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ		2.700	2.700													
6	Chi các hoạt động kinh tế (Loại 280-338)	7.000	7.000	5.800	-	700	-	-		500		-	-				
	Trong đó: Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên		500	405		45				50							
6.1	Chi thường xuyên giao tự chủ		-														
6.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ		7.000	5.800		700				500							
7	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin (Loại 160-171)	600	600	-	-	-	-	-		-		600	-				
7.1	Chi thường xuyên giao tự chủ		-														
7.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ		600									600					
8	Chi viện trợ (Loại 400-402)	222.000	222.000	21.737	3.480	-	-	-		8.586	12.597	-	150.000	-	-	25.600	
8.1	Chi thường xuyên giao tự chủ		-														
8.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ		222.000	21.737	3.480					8.586	12.597		150.000			25.600	



2